

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc công nhận tốt nghiệp Đại học và cấp bằng Cử nhân**  
**cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2021**  
**hình thức đào tạo vừa làm vừa học**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

Căn cứ Nghị định số 32/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 08/NQ-HĐĐH ngày 12/7/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng và Nghị quyết số 13/NQ-HĐĐH ngày 07/9/2021 của Hội đồng Đại học Đà Nẵng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐT ngày 08/6/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15/8/2007 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, kèm theo Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo Đại học và Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư 06/2017/TT-BGDĐT ngày 15/3/2017 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Quy chế đào tạo vừa làm vừa học trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1118/QĐ-ĐHSP ngày 27/6/2023 của Hiệu trưởng Trường ĐHSP-ĐHĐN về việc thành lập Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đợt tháng 6/2023, trình độ đại học và cao đẳng, hình thức đào tạo vừa làm vừa học;

Căn cứ biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp ngày 06/7/2023 của Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp đợt tháng 6/2023, trình độ đại học và cao đẳng, hình thức đào tạo vừa làm vừa học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận tốt nghiệp Đại học và cấp bằng Cử nhân cho **129** (một trăm hai mươi chín) học viên, hình thức đào tạo vừa làm vừa học (văn bằng 2), khóa tuyển sinh năm 2021, cụ thể:

**Ngành Giáo dục Tiểu học**

- Tại Trường Đại học Sư phạm **Có 38** (ba mươi tám) học viên;
- Tại Trung tâm GDTX số 1 - TP. Đà Nẵng **Có 14** (mười bốn) học viên;



- Tại Trung tâm GDTX số 3 - TP. Đà Nẵng Có 37 (ba mươi bảy) học viên;
- Tại Trường Trung cấp Quảng Đông Có 40 (bốn mươi) học viên.

(có danh sách kèm theo)

**Điều 2.** Thủ trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2 (để thực hiện);
- ĐHDN (để báo cáo);
- BGH (để biết)
- Lưu: VT, ĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**PGS.TS. Lưu Trang**

  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM ĐÀ NẴNG**

**DANH SÁCH NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC  
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 1175/QĐ-ĐHSP ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Trần Hoàng	Anh	12/08/1995	3,58	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
2	Nguyễn Thị Tú	Anh	04/10/1998	3,54	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
3	Trần Thị Kim	Chung	25/11/1993	3,53	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
4	Phạm Thị	Chung	10/03/1994	3,54	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
5	Nguyễn Thị Thùy	Dung	19/06/1994	3,48	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
6	Phan Thị Hồng	Duyên	15/02/1989	3,36	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
7	Lê Thị Bình	Giang	09/12/1996	3,75	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
8	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	12/10/1984	3,70	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
9	Lê Thị Thúy	Hằng	06/01/1989	3,70	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
10	Trần Xuân	Hoàng	08/04/1994	3,35	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
11	Nguyễn Thị Thúy	Hoàng	11/07/1997	3,83	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
12	Phan Thị Phương	Lam	14/11/1994	3,43	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
13	Lương Thị Hiền	Linh	25/07/1995	3,49	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
14	Lê Thị Ánh	Ly	02/01/1997	3,30	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
15	Trần Thị	Lý	15/02/1990	3,71	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
16	Lê Thị	Nghĩa	05/05/1995	3,41	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
17	Nguyễn Thị Bảo	Nhi	04/02/1994	3,45	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
18	Lê Thị	Nhuân	17/11/1996	3,39	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
19	Lê Thị Tuyết	Ni	20/09/1995	3,58	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
20	Lê Thị Kiều	Phương	05/05/1997	3,64	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
21	Nguyễn Thị	Quế	20/09/1988	3,41	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
22	Hồ Lê Khánh	Quỳnh	15/09/1995	3,69	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
23	Ngô Thị Thanh	Tâm	28/06/1993	3,64	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
24	Võ Thị Ngọc	Thanh	01/08/1990	3,38	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
25	Võ Nguyễn Phương	Thảo	09/01/1994	3,43	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021



STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
26	Võ Thị Thanh Thảo	13/07/1995	3,29	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
27	Huỳnh Lê Hiền Thoa	18/01/1997	3,64	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
28	Phạm Thị Minh Thu	02/02/1988	3,46	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
29	Nguyễn Thị Thanh Thúy	18/07/1998	3,39	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
30	Lê Thị Thủy	28/03/1996	3,43	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
31	Hồ Thanh Thủy	01/08/1992	3,65	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
32	Nguyễn Thị Thanh Trà	01/10/1994	3,58	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
33	Nguyễn Thị Bích Trâm	18/10/1989	3,50	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
34	Đoàn Thị Ngọc Trang	24/11/1995	3,38	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
35	Nguyễn Thị Hồng Trang	16/09/1995	3,40	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
36	Nguyễn Thị Vân	10/07/1991	3,61	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
37	Trương Thị Vi	20/08/1992	3,54	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
38	Đỗ Thị Kim Xuân	31/07/1993	3,45	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021

Ấn định danh sách này có 38 (ba mươi tám) học viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc            11 /38  
Xếp loại Giỏi                    27 /38  
Xếp loại Khá                      0 /38  
Xếp loại Trung bình            0 /38



**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS. TS. Lưu Trang**

**DANH SÁCH NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC  
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 1175/QĐ-ĐHSP ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Nguyễn Thị Bích Hiệp	29/08/1980	3,70	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
2	Trần Thị Lệ	22/12/1972	3,50	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
3	Võ Thị Mai	30/04/1986	3,38	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
4	Hồ Thị Trà My	10/09/1993	3,71	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
5	Phạm Thị Tiểu My	04/09/1998	3,34	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
6	Hồ Thị Thảo Ngân	14/05/1992	3,58	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
7	Trần Khôi Nguyên	30/10/1978	3,60	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
8	Nguyễn Thị Thanh Nhân	20/10/1983	3,59	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
9	Trần Quang	01/12/1991	3,30	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
10	Lê Thị Ngọc Thảo	14/01/1998	3,50	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
11	Nguyễn Thị Văn Thư	01/01/1991	3,41	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
12	Phùng Thị Thủy	02/10/1985	3,54	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
13	Ngô Thị Thùy Trang	01/01/1991	3,56	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
14	Nguyễn Thị Tường Vi	28/01/1989	3,59	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021

Ấn định danh sách này có 14 (mười bốn) học viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc 3 /14

Xếp loại Giỏi 11 /14

Xếp loại Khá 0 /14

Xếp loại Trung bình 0 /14

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Lưu Trang

**DANH SÁCH NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC  
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**

(Kèm theo Quyết định số: 1175/QĐ-ĐHSP ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng,

Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Hà Thị Phương Ân	10/08/1994	3,56	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
2	Hứa Thị Kim Chung	20/12/1986	3,75	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
3	Ngô Thị Hương Duyên	30/10/1988	3,81	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
4	Lê Thị Hải Hà	28/01/1993	3,66	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
5	Nguyễn Thị Ngân Hải	14/12/1989	3,66	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
6	Lê Thị Mỹ Hạnh	26/03/1995	3,73	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
7	Cao Thị Mỹ Hạnh	08/08/1995	3,81	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
8	Đặng Thị Hiếu Hậu	25/01/1993	3,51	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
9	Lê Thị Hương	14/04/1993	3,78	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
10	Đoàn Thị Thắm Lệ	12/12/1993	3,44	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
11	Nguyễn Thị Liên	01/05/1992	3,53	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
12	Hồ Thị Liễu	27/11/1991	3,66	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
13	Nguyễn Thị Mỹ Linh	21/09/1990	3,56	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
14	Lê Thị Lý	05/07/1995	3,68	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
15	Huỳnh Thị Mỹ	30/09/1997	3,50	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
16	Bùi Thị Thúy Mỹ	12/04/1995	3,66	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
17	Phan Thị Thanh Nga	19/11/1991	3,50	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
18	Phan Thị Hoàng Ngân	16/05/1996	3,51	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
19	Ngô Thị Kim Ngân	08/03/1996	3,86	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
20	Nguyễn Thị Như Ngọc	14/05/1991	3,45	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
21	Trần Thị Thái Nguyên	02/02/1991	3,68	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
22	Lại Thị Quyên	01/01/1986	3,40	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
23	Huỳnh Thị Ngân Sương	20/08/1994	3,43	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
24	Hồ Thị Hồng Thắm	12/10/1998	3,44	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
25	Nguyễn Thị Thanh Thanh	06/03/1998	3,41	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
26	Nguyễn Thị Phương Thảo	05/05/1999	3,56	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
27	Nguyễn Hoàng Phi Thảo	08/09/1983	3,58	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
28	Nguyễn Thị Như Thảo	17/02/1994	3,56	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
29	Huỳnh Phú Thu Thủy	13/02/1997	3,46	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
30	Nguyễn Thị Thủy	13/09/1996	3,61	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
31	Trần Thị Tình	17/12/1993	3,48	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
32	Nguyễn Thị Huyền Trang	13/03/1994	3,63	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
33	Lê Thị Xuân Trinh	23/11/1995	3,48	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
34	Nguyễn Thị Trinh	12/10/1996	3,45	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
35	Bùi Thị Cẩm Vân	31/05/1995	3,56	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
36	Trương Như Ý	25/02/1996	3,45	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
37	Tạ Thị Lê Yên	02/06/1982	3,66	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021

Ấn định danh sách này có 37 (ba mươi bảy) học viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc            15 /37  
Xếp loại Giỏi                    22 /37  
Xếp loại Khá                    0 /37  
Xếp loại Trung bình            0 /37

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS. TS. Lưu Trang**



**DANH SÁCH NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC**  
**ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG CỬ NHÂN**  
(Kèm theo Quyết định số: 1175/QĐ-ĐHSP ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng,  
Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
1	Lê Thị Tuyết Vân	02/12/1987	3,43	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
2	Lê Ngọc Diễm	11/05/1996	3,43	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
3	Đặng Thị Dung	03/11/1987	3,55	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
4	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	18/08/1994	3,40	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
5	Nguyễn Thị Cẩm Hà	17/06/1995	3,98	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
6	Đoàn Thị Thanh Hiền	21/03/1995	3,40	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
7	Hà Thị Hiền	25/06/1996	3,49	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
8	Nguyễn Thị Hiền	15/08/1988	3,69	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
9	Hà Thị Minh Hiếu	11/06/1989	3,70	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
10	Trần Thị Hoa	08/11/1992	3,61	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
11	Đinh Thị Hưng	01/10/1991	3,44	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
12	Lương Thị Lạt	12/03/1994	3,66	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
13	Lê Thị Lệ	16/01/1990	3,79	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
14	Nguyễn Thị Phương Linh	06/06/1998	3,79	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
15	Huỳnh Nguyễn Lê Minh	15/05/1989	3,83	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
16	Nguyễn Hứa Quỳnh Nga	01/02/1994	3,53	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
17	Huỳnh Thị Thanh Ngân	17/03/1997	3,28	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
18	Nguyễn Thị Khánh Nguyên	11/08/1993	3,44	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
19	Ngô Thị Nhon	28/08/1990	3,73	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
20	Nguyễn Thị Như Quỳnh	12/09/1994	3,65	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
21	Đặng Thị Sanh	12/07/1994	3,68	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
22	Hồ Thị Thanh Tâm	02/12/1992	3,80	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
23	Huỳnh Thị Thu Thanh	20/04/1995	3,80	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
24	Phạm Hoài Thanh	24/03/1997	3,65	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
25	Lê Phương Thảo	20/02/1992	3,78	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021



*a*

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm trung bình	Xếp loại tốt nghiệp	Quyết định trúng tuyển số, ngày tháng năm
26	Lê Thị Thu Thúy	17/01/1993	3,73	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
27	Huỳnh Thị Thủy	10/04/1987	3,50	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
28	Nguyễn Thị Thanh Thúy	21/02/1991	3,68	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
29	Nguyễn Thị Thanh Thúy	08/12/1983	3,74	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
30	Nguyễn Nghiêm Ngọc Tín	21/03/1993	3,61	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
31	Lê Thị Huỳnh Trâm	20/12/1996	3,56	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
32	Phan Thị Thùy Trâm	26/07/1995	3,64	Xuất sắc	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
33	Lê Thị Minh Trang	01/01/1993	3,46	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
34	Nguyễn Thị Ý Trinh	05/06/1996	3,45	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
35	Nguyễn Thị Trinh	22/12/1996	3,59	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
36	Trần Quang Trung	16/05/1994	3,44	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
37	Nguyễn Thị Uyên	10/02/1987	3,33	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
38	Trần Thị Cẩm Vân	02/01/1991	3,24	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
39	Nguyễn Thị Tường Vi	28/01/1994	3,46	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021
40	Lê Thị Vy	02/09/1998	3,49	Giỏi	3681/QĐ-ĐHĐN ngày 28/10/2021

Án định danh sách này có 40 (bốn mươi) học viên, trong đó:

Xếp loại Xuất sắc                    20 /40  
Xếp loại Giỏi                            20 /40  
Xếp loại Khá                              0 /40  
Xếp loại Trung bình                    0 /40



**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS. TS. Lưu Trang**